

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 05/01/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Nhữn;

2/ Ông Võ Ngọc Bột;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2021/TLST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trần Thị Như T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện M, tỉnh L;

2/ Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy O, sinh năm: 1980;

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Công M, sinh năm: 1978;

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh L;

(Bà T có mặt, bà O, ông M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2021, trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Như T trình bày như sau:

Vào ngày 31 tháng 9 năm 2015 (DL) bà có cho bà Lê Thị Thúy O vay số tiền 4.000.000đ. Khi cho vay hai bên có làm biên nhận và bà O có ký tên. Thời hạn là một tháng sẽ trả. Tuy nhiên đến hạn đã lâu mà bà O không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thúy O và ông Phạm Công M (là chồng bà O) liên đới trả số tiền 4.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

2/ Bị đơn, bà Lê Thị Thúy O và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Công M, đã được Tòa án tổng đạt theo thủ tục tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập bị đơn để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng bà O và ông M vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, gồm có: “Biên nhận tiền ngày 02/8/2015 AL tức ngày 31/9/2015 DL” Bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ngày 25/5/2021 bà Trần Thị Như T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thúy O và ông Phạm Công M liên đới trả số tiền vay 4.000.000đ làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bà O và ông M cư trú tại huyện M, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Thúy O và ông Phạm Công M đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O và ông M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về yêu cầu của đương sự: Theo giấy biên nhận ngày 02/8/2015 AL tức ngày 31/9/2015 DL thể hiện việc bà Lê Thị Thúy O có vay của bà T số tiền 4.000.000đ. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu,

....bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập biên nhận nợ. Do quá thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm thời hạn thanh toán.”. Do đó có căn cứ xác định bà O còn nợ bà T số tiền vốn vay 4.000.000đ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận. Bà T không yêu cầu tính lãi suất đây là sự tự nguyện của đương sự nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4.1] Thời điểm bà O vay tiền, ông M và bà O là vợ chồng đang chung sống; bà T trình bày bà O vay tiền để phục vụ cho kinh tế, sinh hoạt gia đình. Bà O và ông M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến gì về yêu cầu liên đới trả nợ của bà T. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 288 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà O và ông M. Buộc bà O và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 4.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà O và ông M phải liên đới chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, Điều 463, 466, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Như T đối với bà Lê Thị Thúy O.

Buộc bà Lê Thị Thúy O và ông Phạm Công M phải liên đới trả cho bà Trần Thị Như T số tiền vốn vay còn nợ 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thúy O và ông Phạm Công M phải liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Như T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000276 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Đương có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An; ;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Hồng

THÀNH VIÊN HĐ XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA